shuǐ jīng qiú

水晶球

noun · crystal ball

Example Sentences

Tā yǒu yī ge shuǐ jīng qiú
她有一个水晶球。

She has a crystal ball.

Zhān bǔ shī yòng shuǐ jīng qiú yù cè wèi lái
占卜师用水晶球预测未来。

The fortune teller uses a crystal ball to predict the future.

Zhè ge shuǐ jīng qiú zài dēng guāng xià shǎn shǎn fā guāng
这个水晶球在灯光下闪闪发光。

This crystal ball sparkles under the light.

Trace each character, then write the word on your own.